

Bản án số: 24 /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21 – 6 -2023
V/v “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Cúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Văn Hải
2. Ông: Mai Đức Danh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lữ Thị Hải Vân - Thư ký Tòa án nhân dân, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Duyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023 về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXX-ST ngày 11 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2023/QĐST – ST, ngày 25 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Lương Thị Thùy L - sinh năm: 1987 – Có mặt
HKTT: SN 23, Đông Q, phường Hàm R, Tp. Thanh H, Thanh H.

- *Bị đơn:* anh Lê Văn H - sinh năm: 1985 – Vắng mặt
HKTT: TDP Nhân H, phường Hải N, TX. Nghi S, Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa chị Lương Thị Thùy L trình bày như sau: Chị và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia nay là phường Hải Ninh, thị xã Nghi Sơn vào ngày 08/11/2007. Sau khi kết hôn chị và anh H sống cùng với bố mẹ đẻ chị, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng tương đối hạnh phúc. Sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị và anh H không cùng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nhiều lần xảy ra xô xát và bạo lực gia đình. Đến tháng 12/2022, anh H và chị sống ly thân cho tới nay. Nay chị xác định tình cảm không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: chị và anh H có ba con chung, cháu Lê Thị Minh Ch– sinh ngày 11/6/2008, cháu Lê Tuấn Th– sinh ngày 31/5/2015 và cháu Lê Tuấn Đ – sinh ngày 31/5/2015. Từ nhỏ các cháu ở cùng với chị đến thời điểm vợ chồng ly thân anh H đưa

hai cháu Th và Đ về ở với ông bà nội. Nay ly hôn nguyên vọng của chị đề nghị giải quyết theo nguyên vọng của các cháu vì các cháu đều đủ 07 tuổi trở lên. Các cháu muốn ở với ai thì người đó nuôi cháu. Hiện tại chị đang làm việc tại công ty TNHH Vật tư ngành giấy Winner, có mức thu nhập 9.580.100đ, bản thân chị có đủ khả năng nuôi cả ba cháu. Về cấp dưỡng nuôi con chị yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con cùng chị mỗi tháng là 01 triệu đồng/ một cháu.

Về tài sản và công nợ chung: Chị L không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan điểm của anh Lê Văn H: Quá trình giải quyết vụ án đã nhiều lần Tòa án triệu tập anh H lên làm việc nhưng anh H cố tình trốn tránh không lên làm việc vì vậy Tòa án không thể lấy lời khai hay nguyên vọng của anh Lê Văn H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, đối với bị đơn cố tình trốn tránh không thực hiện và cố tình từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử cho chị Lương Thị Thùy L được ly hôn với anh Lê Văn H. Về con chung giao cả ba cháu cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng nuôi con cùng chị L mỗi tháng 01 triệu đồng/ một cháu, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2023, cho đến khi các cháu trưởng Th và có khả năng lao động. Anh H được quyền lui tới thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản; Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét. Buộc chị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và anh H phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lương Thị Thùy L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lê Văn H là tranh chấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Bị đơn hiện đang cư trú trên địa bàn thị xã Nghi Sơn nên TAND Thị xã Nghi Sơn có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Tòa án nhưng anh H cố tình trốn tránh, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của bản thân. Tại phiên tòa lần thứ nhất anh H vắng mặt không có lý do, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thủ tục hợp lệ, đúng theo quy định cho anh H vì vậy HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS xử vắng mặt anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình

giải quyết vụ án chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Do anh H cố tình trốn tránh nên Tòa án không thể làm việc được.

Xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hải Ninh vào năm 2007. Quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn còn nguyên nhân mâu thuẫn là gì thì địa phương không nắm được. Chỉ biết hiện tại chị L và anh H đang sống ly thân. Theo thông tin của bố mẹ anh H cho biết cuộc sống của anh chị không ổn định và hay xảy ra mâu thuẫn.

Về con chung: anh chị có ba con chung trước kia cả ba cháu đều sống với mẹ từ cuối năm 2022, anh H mang hai cháu trai về ở cùng ông bà nội. Về nghề nghiệp của anh H địa phương không nắm được chỉ biết anh H thường xuyên vắng nhà. Về tài sản và công nợ địa phương không nắm được.

Tiến hành làm việc tại gia đình anh Lê Văn H, bà Trần Thị N cho biết việc anh H và chị L có ở với nhau hay không bà không biết, anh H không đánh cũng không đuổi chị L, việc chị L không về ở là do tự chị L quyết định. Bản thân anh H có nói với bà N, anh H không bỏ vợ. Đối với các con của chị L hiện tại ông bà đang nuôi cháu Th và Đ. Nếu chị L nuôi được cả thì để chị L nuôi còn không thì anh H nuôi vì hai cháu là anh em sinh đôi.

Xét về phần trình bày của chị L và qua xác minh tình trạng hôn nhân của chị L và anh H. HĐXX nhận thấy như sau; Giữa chị L và anh H đã xảy ra mâu thuẫn từ lâu, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, bản thân cả anh H và chị L đều không tìm thấy tiếng nói chung, kể từ thời điểm sống ly thân cho tới nay anh chị không có biện pháp hàn gắn gia đình, điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn, mục đích hôn nhân không Đ được, vì vậy HĐXX xét thấy nếu có kéo dài cũng không có hạnh phúc nên căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị L được ly hôn với anh H.

[3] Về con chung: Chị L và anh H có ba con chung cháu Lê Thị Minh Ch- sinh ngày 11/6/2008, cháu Lê Tuấn Th- sinh ngày 31/5/2015 và cháu Lê Tuấn Đ - sinh ngày 31/5/2015. Cả ba cháu đều có nguyện vọng ở với chị L, chị L cũng có nguyện vọng được nuôi cả ba cháu. Hiện tại cháu Th và Đ đang ở cùng ông bà nội, anh H thường xuyên đi làm xa nhà, bản thân mẹ anh H cũng đề nghị chị L hay anh H ai nuôi cũng được nhưng phải nuôi cả hai cháu vì các cháu là anh em sinh đôi. Bản thân chị L có nghề nghiệp và thu nhập ổn định còn anh H thường xuyên vắng nhà. Xét nguyện vọng của các cháu cũng như điều kiện sống thực tế thấy cần giao cả ba cháu cho chị L nuôi là phù hợp với nguyện vọng của chị L cũng như của các cháu vì vậy HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật HNGĐ giao cả ba cháu cho chị L nuôi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 01 triệu đồng/ một cháu. Xét thấy đây là trách nhiệm nuôi con của anh H, mức cấp dưỡng cũng phù hợp vì vậy HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 82 Luật HNGĐ chấp nhận nguyện vọng của chị L.

Anh H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, chị L không được ngăn cấm. Trong trường hợp anh H lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị L được quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh H.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét và giải quyết.

[5] Về án phí: Buộc chị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và anh H phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Tòa án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 BLTTDS; Căn cứ vào các Điều 51, 56; khoản 2 Điều 81, khoản 2 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lương Thị Thùy L.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lương Thị Thùy L được ly hôn với anh Lê Văn H.

2. Về con chung: Chị L và anh H có ba con chung cháu Lê Thị Minh Ch – sinh ngày 11/6/2008, cháu Lê Tuấn Th – sinh ngày 31/5/2015 và cháu Lê Tuấn Đ – sinh ngày 31/5/2015. Giao cả ba cháu cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng 01 triệu đồng/ một cháu, ba cháu là 03 triệu đồng/ tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2023 cho tới khi các cháu trưởng thành và có khả năng lao động. Anh H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, chị L không được ngăn cấm. Trong trường hợp anh H lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị L được quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh H.

3. Về tài sản và công nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét và giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2021/0012454, ngày 16 tháng 2 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Chị L đã thi hành xong phần án phí. Anh H phải nộp 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị L vắng mặt anh H. Chị L sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử lại theo trình tự phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- CC.THA-DS thị xã Nghi Sơn;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- UBND phường Hải Ninh, TX.
Nghi Sơn, Thanh Hóa.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Cúc